

VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT

ALL PHOTOS BY KOICHI KAMOSHIDA/GETTY IMAGES

Hoa anh đào nở rộ ở công viên Hirosaki vào Ngày 4 tháng 5 năm 2005. Hirosaki Park là một trong những ngắm hoa anh đào điểm ở Nhật Bản.



VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

Hoa anh đào Nhật Bản: Khoảnh khắc huy hoàng của mùa xuân

CORA WANG

Hoa anh đào sắc hồng rực rỡ trên nền trời xanh biếc là một cảnh tượng không tìm thấy ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. “Sakura” là tên gọi của hoa anh đào ở Nhật Bản. Những cánh hoa la đà rơi trên mặt đất trong khi du khách dạo quanh chiêm ngưỡng vẻ đẹp của mùa xuân. Trên khắp đất nước, bầu không khí thay đổi. Cây đâm chồi nảy lộc. Mùa đông sắp kết thúc. Cũng giống như mùa

Hanami – lễ hội hoa anh đào như chúng ta biết hiện nay – khởi đầu từ cung đình. Giới hoàng tộc tổ chức các buổi lễ lớn để ngắm hoa, có ca hát, nhảy múa, uống rượu và tiệc tùng.

xuân đem đến sự hứa hẹn về một khởi đầu mới mẻ, hương thơm ngọt ngào của hoa anh đào mang đến hy vọng và niềm vui. Gia đình và bạn bè tụ họp để cùng nhau chiêm ngưỡng phong cảnh và tận hưởng tiết trời ấm áp.

Một truyền thống được tôn trọng “Hanami” trong tiếng Nhật có nghĩa là “chiêm ngưỡng hoa anh đào”, một truyền thống rất được tôn trọng nơi đây. Truyền thống này có từ thời

Xem tiếp trang 6

Cứ mỗi độ xuân về, hàng trăm người đổ về lâu đài Hirosaki trang lệ cùng tham gia lễ hội hoa anh đào.



‘Hồ mẫu’ Ba người mẹ tuyệt vời của Trung Hoa cổ đại

MINH VI

Những năm gần đây, phương pháp giáo dục con cái hà khắc kiểu “mẹ hổ” đang không ngừng được xem là hình mẫu bảo đảm cho sự thành đạt trong tương lai của các con. Vào thời xa xưa, “mẹ hổ” lại được dùng để mô tả về những bà mẹ Trung Hoa mẫu mực.

Người Trung Hoa cổ xưa coi trọng tính siêng năng, cần cù. Họ xếp trí tuệ và đức hạnh cao hơn vô số lần so với lợi ích vật chất đơn thuần. Người xưa quan niệm: “Thà là người ngu ngốc và không có khả năng còn hơn là kẻ giỏi giang nhưng gian ác.”

Thời đó, chính trị và các lĩnh vực trọng yếu thường do đàn ông chỉ phối trên bề mặt, nhưng sử sách Trung Quốc cũng phải thừa nhận tầm quan trọng của phụ nữ trong việc thúc đẩy sự tiến triển hài hòa của xã hội.

Cuốn “Liệt nữ truyện – Chu thất tam mấu” miêu tả về ba vị hoàng hậu nhà Chu là Thái Khương, Thái Nhâm, và Thái Tự - ba thế hệ nàng dâu họ Cơ, lần lượt là thế tử của ba vị quốc vương khai sáng triều đại nhà Chu (1100 TCN-221 TCN) là Cơ Thái Vương, Cơ Quý Lịch, và Chu Văn Vương.

Ba vị quốc vương hiền đức, ba vị phu nhân của họ đều trang nghiêm, chân thành cung kính, xứng đáng là mẫu nghi thiên hạ. Ba vị phu nhân đều là những tấm gương sáng, cảm hóa gia quốc, phò tá ba vị quốc vương kiến lập nên cơ nghiệp nhà Chu hưng thịnh vĩ đại, kéo dài tới 800 năm, được người đời sau ca tụng là “Chu thất tam mấu”.

Trong ba vị phu nhân, Thái Tự là hoàng hậu sau cùng, càng thêm hiền thực. Bà vô cùng ngưỡng mộ danh tiếng đạo đức của tổ mẫu Thái Khương và mẹ chồng Thái Nhâm, lại kế thừa đức hạnh của họ. Bà cẩn kiem chăm lo việc nhà, tương trợ chồng giáo dục con cái, xử lý việc nội cung gọn gàng ngăn nắp, toàn lực hiệp trợ Văn Vương, giúp ông chuyển tâm trị vì đất nước, thi hành chính sách có lợi cho dân, giáo hóa đại chúng. Thái Tự được tôn xưng là “Văn Mẫu”, được khen tụng là “Văn Vương cai trị bên ngoài, Văn Mẫu cai trị nội các bên trong.”

Không chỉ có những tấm gương này, dưới đây là ba câu chuyện về các “hồ mẫu” nổi tiếng trong việc giáo dục con thời Trung Hoa cổ đại.

Mẹ Mạnh Tử chuyển nhà 3 lần

Tại trường lớp, giáo viên truyền đạt, hướng dẫn kiến thức và kỹ thuật chuyên ngành. Còn khi ở nhà, sự hướng dẫn của người mẹ lại định hình nên tính cách cơ bản của con trẻ.

Trong cuốn “Ngân ký tự cổ điển”, một văn bản thơ truyền thống được sử dụng để dạy chữ viết Trung Quốc, có câu “Ra ngoài nhờ ơn thầy, về nhà nhờ ơn mẹ.”

Điều này bắt nguồn từ câu



Bức tượng miêu tả Tang Tử và mẹ của ông.

Vào thời xa xưa, “mẹ hổ” lại được dùng để mô tả về những bà mẹ Trung Hoa mẫu mực.



Khắc sấu trong tấm những lời dạy của mẹ, Mạnh Tử đã trở thành một học giả lỗi lạc theo tư tưởng Nho giáo.

chuyện nổi tiếng của thế kỷ thứ 4 trước Công Nguyên. Nhà hiền triết Mạnh Tử có mẹ là bà Trương Thị, người đã làm tất cả mọi thứ trong khả năng của mình để nuôi dạy con trở thành người tài đức. Để con trai mình có môi trường phát triển tốt, bà đã phải chuyển nhà tới 3 lần.

Ngôi nhà đầu tiên của họ ở gần một nghĩa trang, bà Trương sớm nhận thấy con trai mình hay bắt chước hành vi của những người đến thăm mộ. Thấy không phù hợp, bà đã chuyển nhà và lần này đến ở gần một khu chợ. Mạnh Tử bắt đầu học cách ăn nói của những người bán hàng, khiến bà không hài lòng chút nào. Cuối cùng, bà định cư gần một trường học, và rất vui khi thấy con trai mình học hỏi những thói quen trang nghiêm của những người có học vấn.

Khi còn nhỏ, Mạnh Tử không phải lúc nào cũng thực hành những điều đã học. Thấy vậy, bà xé toang tấm vải đang dệt ở khung cửi để cho ông thấy rằng một trí óc thông minh nhưng không được rèn luyện thì vẫn vô dụng – giống như hay hiểu thảo phụng dưỡng bậc sinh thành. Một mặt, Nhạc Phi cảm thấy mình cần phải có trách nhiệm gia nhập quân đội triều đình, chống lại quân xâm lược, nhưng đồng thời, người mẹ cũng đang cần hỗ trợ và chăm sóc ở nhà.

Cảm nhận được nguyên nhân thiếu quyết đoán của con trai, mẹ Nhạc Phi đã xăm bốn chữ lên lưng con: “Tân trung báo quốc”. Mong muốn của con trai chính là mong muốn của bà; Nhạc Phi có thể ra trận mà không cần lo lắng cho bà ở nhà.

Tăng Tử cảm nhận được nỗi đau của mẹ

Cuốn “Kinh điển về Đạo giáo”, còn được biết đến với cái tên “Tiểu Kinh”, là một luận thuật kinh điển của Nho giáo đưa ra lời khuyên về lòng hiếu thảo. Khổng Tử đã so sánh tình mẫu tử với một loại tình cảm có tính tương tác gắn kết xã hội. Ông nói: “Khi người nào được người con tôn kính, thì khi đó quốc gia cũng được người dân tôn kính.”

Tăng Tử là một học trò của Khổng

Tử, những ghi chép của ông về những cuộc đàm đạo của mình với những nhà hiền triết vĩ đại được người đời lưu truyền và ca tụng. Cha ông qua đời khi ông còn rất nhỏ, để lại cho ông gánh nặng gia đình rất lớn.

Tương truyền, trong một lần đi

lượm củi, cậu bé Tăng Tử cảm thấy ngực đau nhói, tức tốc chạy về nhà thì phát hiện mẹ không may bị thương. Ông cảm nhận được sợi dây liên kết giữa mẹ và con. Dù câu chuyện có thật hay không, nó cũng minh họa mối quan hệ gia đình đóng vai trò quan trọng trong văn hóa Trung Hoa.

“Tân trung báo quốc”

Vào thế kỷ 12, cả Trung Quốc và chàng thanh niên Nhạc Phi đều phải đối mặt với tình thế tiến thoái lưỡng nan. Triều đại nhà Tống (960-1279) vào thời điểm đó đang trên đà diệt vong bởi những người Kiệt Đan – một dân tộc du mục có đại bản ở Mông Cổ và Bắc Trung Quốc và đã chinh phục phần lớn miền bắc Trung Quốc.

Khi đó, Nhạc Phi rơi vào tình huống khó xử. Nghĩa vụ với đất nước hay hiếu thảo phụng dưỡng bậc sinh thành. Một mặt, Nhạc Phi cảm thấy mình cần phải có trách nhiệm gia nhập quân đội triều đình, chống lại quân xâm lược, nhưng đồng thời, người mẹ cũng đang cần hỗ trợ và chăm sóc ở nhà.

Cảm nhận được nguyên nhân thiếu quyết đoán của con trai, mẹ Nhạc Phi đã xăm bốn chữ lên lưng con: “Tân trung báo quốc”. Mong muốn của bà; Nhạc Phi có thể ra trận mà không cần lo lắng cho bà ở nhà.

Sau này, Nhạc Phi đã trở thành vị tướng kiệt xuất nhất thời nhà Tống và là một bậc lương đồng của quốc gia. Ông được biết đến nhiều nhất trong những cuộc giao tranh bảo vệ Nam Tống khỏi quân xâm lược nhà Kim. Lòng trung thành và sự tận tụy cống hiến của ông đối với đất nước không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ lãnh thổ nước nhà, mà quan trọng hơn là bảo tồn văn hóa truyền thống hàng ngàn năm của đất nước Trung Hoa.

Khuôn vàng thước ngọc thương nhân cổ đại

ÁI LỆ

Trong xã hội ngày nay, nhiều người xem việc kiếm tiền, phát tài, giàu có sau một đêm là mục đích sống; vì tiền việc xấu gì cũng làm. Bởi vậy mà những tệ nạn như thực phẩm độc hại, sữa độc, dầu công, gạo nhựa, trứng gà giả ngày càng nhiều, làm hại người hại mình.

Có người nói: “Vô thương bất gian” (không có việc buôn bán nào mà không gian dối). Thương nhân từ xưa đều giống như vậy sao? Đương nhiên là không phải vậy. Ý nghĩa ban đầu của câu thành ngữ này không phải như bạn nghĩ. Chúng ta hãy cùng nhau thảo luận một chút, điểm lại trí tuệ kinh doanh ngàn năm của cổ nhân.

Thời xa xưa, khắp nơi đều là “tiêm thương”. Vậy chữ “Tiêm” ở đây có ý nghĩa gì?

Điểm thứ nhất: Nhượng lợi

Chữ “Tiêm” (尖) trong câu “Vô tiêm bất thương, vô thương bất tiêm” không phải là chữ đồng âm “Gian” (奸) trong “gian trá giáo hoat”, mà là “Tiêm” trong “mạo tiêm” (冒尖), nghĩa là ‘nhú lên, nổi trội hơn một chút’. Vậy nó xuất phát từ đâu?

Vào thời cổ đại, việc mua bán ngũ cốc thường sử dụng ‘thang’ hoặc ‘đầu’ để đo lường. Đây là vật có hình dạng trên to dưới nhỏ như hình thang, nhưng kích thước lớn hơn nhiều chiếc bát. Sau khi thương nhân đóng đầy một thang hay một đầu gạo, thì gạt bằng mặt, như vậy lượng gạo bán cho mỗi người sẽ được đồng chính xác, không nhiều không ít. Một số thương nhân lại cho khách hàng thêm một nhúm gạo nhỏ, tạo thành một ‘tiêm’ (đỉnh nhọn), gọi là “thêm đầu” (添头) để cho người mua vui vẻ. Thời cổ đại, rất nhiều người bán đều làm như vậy.

Dần dà, xã hội sinh ra lối nói “vô thương bất tiêm”, miễn là thương nhân thì sẽ nhường lợi ích cho khách hàng. Khách hàng vui vẻ hài lòng, thương nhân có danh tiếng tốt, khách hàng sẽ quay lại, chuyển làm ăn mới có thể tốt hơn. Ngoài việc bán lương thực, người bán vải cũng có lối nói “túc xích phóng tam”, khi đo đến thước vải cuối cùng họ còn cho thêm 3 tấc nữa. Còn khi bán dầu, bán dấm, thương nhân vào lúc cuối sẽ mức thêm một muối cho khách hàng.

Cho nên, hành vi nhượng lợi “vô thương bất tiêm” là khuôn vàng thước ngọc mà các thương nhân cổ đại áp dụng trong làm ăn, và đó cũng là bí quyết thành công đã được nghiệm chứng qua thời gian.

Vào thời nhà Tống, có một người tên là Tăng Thúc Khanh. Một lần, ông mua một lô đồ gốm và dự định sẽ chuyển lên phương bắc để bán, nhưng không may đúng lúc thiên tai xảy ra; đồ gốm không bán được.

Lúc này, có người đến gặp Tăng Thúc Khanh và gợi ý mua lại lô đồ gốm, thế là Tăng Thúc Khanh giao lô đồ gốm cho anh ta. Sau khi thời gian xong, Tăng Thúc Khanh bèn hỏi anh ta một câu: “Anh định vận chuyển những thứ này đi đâu?”. Người đó nói: “Tôi muốn làm tiếp kế hoạch bán dầu của ông”.

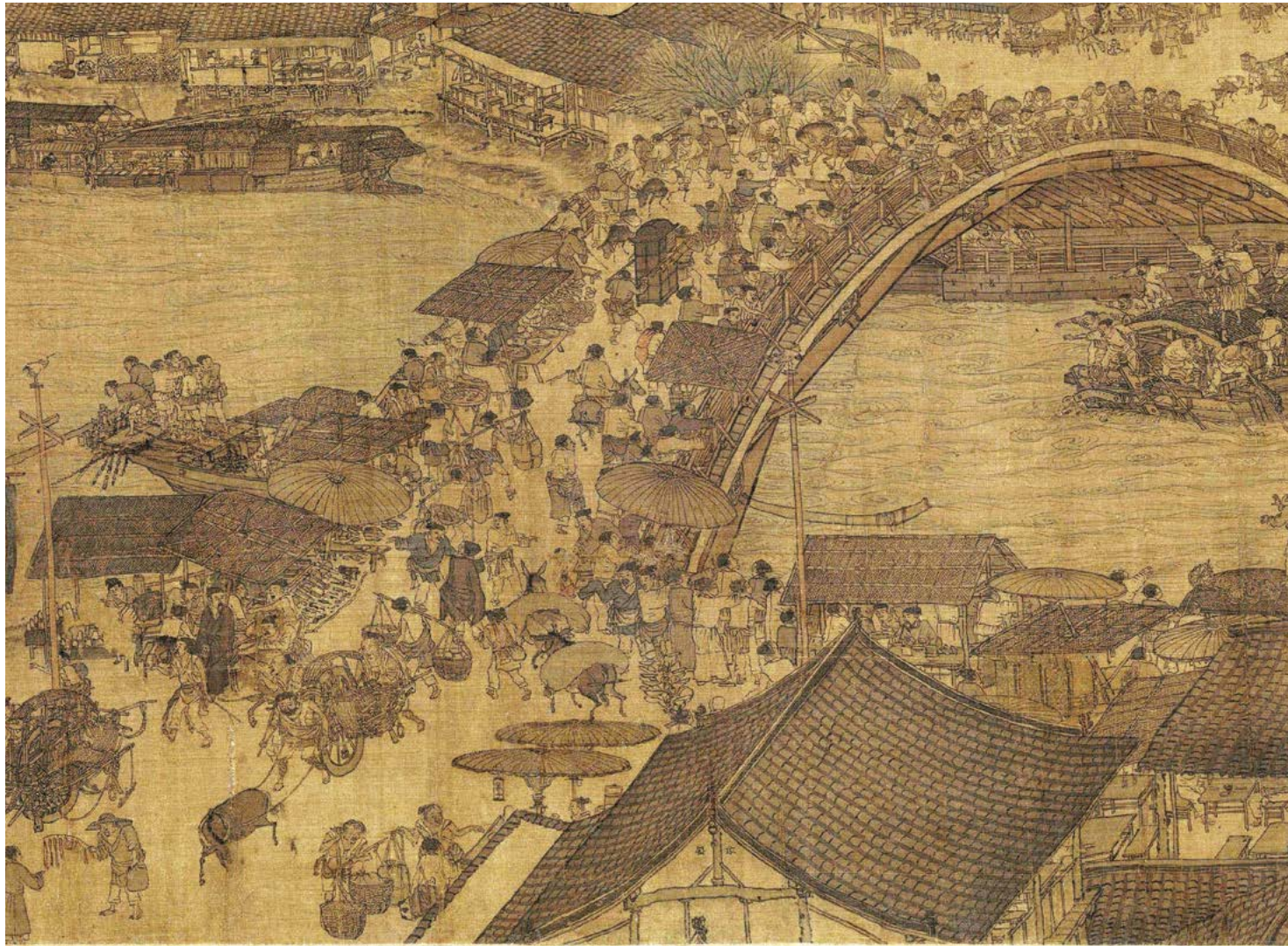


(Ảnh minh họa)

Người quân tử không bao giờ xa rời nhân đức, ngay cả trong lúc áp lực nhất cũng phải chiều theo nhân đức mà làm, vào lúc lưu lạc hoạn nạn cũng y như vậy.

Người xưa rất thành tín, không hạnh đạo đức là xả bỏ lợi ích để giữ nghĩa.

Một bản khắc tranh “Thành minh thương há đồ” của Trương Trạch Đoan thời Bắc Tống.



EPOCH TIMES

như con lừa này chở được đồ, như vậy thì có thể bán cho vị quan nhân. Trần Sách sau khi nghe được, tự mình đuổi theo gặp vị quan nhân đó, kể lại chuyện con lừa không có khả năng chở đồ, sau đó giữ lấy con vật này và còn bị thương tiến mua lừa rồi mới quay về.

Điểm thứ ba: Xả đức

Hơn hai nghìn năm trước có một kỹ nhân tên là Phạm Lãi, đã dành hơn 20 năm phò tá Việt vương Câu Tiễn phục quốc. Sau khi thành công, Phạm Lãi không nhận thưởng mà tay không rời đến Tế quốc.

Tại nước Tế, Phạm Lãi lập nghiệp từ hai bàn tay trắng. Bởi ông làm ăn rất tốt nên được Tế Vương triệu làm tướng quốc. Sau ba năm, ông từ quan bỏ hết gia tài, giao lại ấn tượng, hai bàn tay trắng rời đi, cùng cả gia đình chuyển đến Đào Địa. Tại nơi này Phạm Lãi lại bắt đầu công việc kinh doanh của mình lần nữa. Trong suốt 19 năm, ông đã ba lần tích lũy tài phú ngàn vàng, lại ba lần tặng hết gia tài cho thiên hạ.

Bài thơ của Lý Bạch có câu: “Thiên sinh ngà tã tất hữu dụng, thiên kim tán tán hoàn phục lai” (Trời sinh ta có tài ắt dùng được, ngàn vàng phàn tán hết vẫn làm lại được). Đó là câu chuyện về Phạm Lãi, người được đời sau tôn vinh là Thương Thánh. Nhưng trong mắt ông, quan cao lộc dày, gia tài vạn tiền đều là vật ngoại thân, thuận tay là có thể vứt đi, có thể xả bỏ mới có thể được.

Vào thế kỷ 19, để nhất thương nhân của Hàn Quốc thời xưa là Lâm Thượng Ốc khi còn sống đã không lưu lại bất kỳ di sản nào, tất cả tài sản đều được quyền hiến cho quốc gia. Phần lớn đất phủ ông, đại phủ hào phương Tây cũng đều là đại gia từ thiện, tiền lời kiếm được họ đều dùng vào việc giúp đỡ những người cơ nhỡ.

Thật ra đây là một đạo lý rất giản đơn: Tài phú tựa như nước chảy. Ngay cả khi ngưng ở hình thức tiền hay vàng, nó cũng được hối báo bằng những phúc lành khác, chứ tuyệt đối không hoàn toàn mất đi.

Điểm thứ tư: Đạo nghĩa

2,500 năm trước, Khổng Tử đã bàn về thái độ nên có của con người đối với tài phú. Khổng Tử nói: “Phú dĩ quý, thị nhân chi sở dục dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xử dã; bán dữ tiện, thị nhân chi sở ác dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất khứ dã. Quân tử khứ nhi dĩ, bất dĩ thành danh? Quân tử vô chung thực chi gian vi nhân, tạo thứ tất vu thị, diển phải tất vu thị”. Có nghĩa là: Phú (giàu có) và Quý (sang trọng) thì ai cũng muốn, nhưng nếu không dùng cách chân chính để có được nó thì người quân tử sẽ không hưởng thụ. Bán cùng và để tiền thì ai cũng ghét, nhưng nếu không dùng cách chân chính để gạt bỏ nó đi thì cũng không thể nào thoát khỏi nó được. Quân tử nếu như rời bỏ đức Nhân, thì làm sao có thể gọi là quân tử? Quân tử mà không ngưng vợ vật sẽ xa rời nhân đức, ngay sau đó ắt sẽ trở nên thô lỗ, khinh suất, ngay sau đó ắt sẽ lâm cảnh long đong, hoạn nạn.

Người quân tử không bao giờ xa rời nhân đức, ngay cả trong lúc áp lực nhất cũng phải chiều theo nhân đức mà làm, vào lúc lưu lạc hoạn nạn cũng y như vậy.

Vào thời Minh Thanh, câu nói này của Khổng Tử trở thành “Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo” (người quân tử coi trọng của cải nhưng lấy của cải phải đúng đạo lý). “Bất quân tố thập ma, do bất năng vi” (bởi nguyên tắc dữ đạo nghĩa” (bất kể làm gì, đều không thể vi phạm nguyên tắc và đạo nghĩa); đây là nguyên tắc cơ bản của đạo lý làm người. Trái lại, với loạn tương trong xã hội ngày nay, người ta vì tiền mà không việc ác nào không làm, chỉ vì chút lợi nhỏ mà hãm hại lừa gạt, thậm chí sát nhân phóng hỏa; điều này hoàn toàn đi ngược lại giá trị đạo đức hàng nghìn năm của tiên nhân.

Trong mệnh có thì dừng cương cầu. Ấy là ban không mất hẳn, không phải ban dùng hết tâm tư là có được và có thể lưu giữ được.

Lê Trần biên dịch

Hoa anh đào Nhật Bản: *Khoảnh khắc huy hoàng của mùa xuân*

Tiếp theo từ trang 1

Nara (710-794) khi một sứ thần Nhật Bản đến Trung Quốc đã học hỏi phong tục thưởng thức hoa mạn. Các lễ hội hoa anh đào bắt đầu từ thời Heian (794-1185).

Thời đó, người dân Nhật Bản tin rằng các vị Thần báo hiệu một năm bội thu thông qua hoa anh đào. Vì vậy họ đã cầu nguyện, cúng dường, và hành lễ để tôn vinh loài cây thiêng liêng này. Hanami – lễ hội hoa anh đào như chúng ta biết hiện nay – khởi đầu từ cung đình. Giới hoàng tộc tổ chức các buổi lễ lớn để ngắm hoa, có ca hát, nhảy múa, uống rượu và tiệc tùng. Theo thời gian, truyền thống Hanami đã lan rộng đến dân gian và trở nên phổ biến khắp Nhật Bản.

Một trong những lễ hội lớn nhất từng diễn ra là Bữa Tiệc Hoa Anh Đào của lãnh chúa Hideyoshi Toyotomi vào năm 1598, được tổ chức tại ngôi đền Daigo-ji nổi tiếng ở Kyoto. Ngôi đền ở tình trạng hư hỏng mãi cho đến khi Toyotomi mời hàng nghìn khách đến tham dự buổi tiệc của ông. Với hơn 700 cây hoa anh đào được trồng xung quanh ngôi đền, bữa tiệc xa hoa này càng nâng vị thế Hanami như một phân giá trị của văn hóa Nhật Bản. Về sau, đền Daigo-ji được hồi sinh, và hiện là Di sản thế giới được UNESCO công nhận.

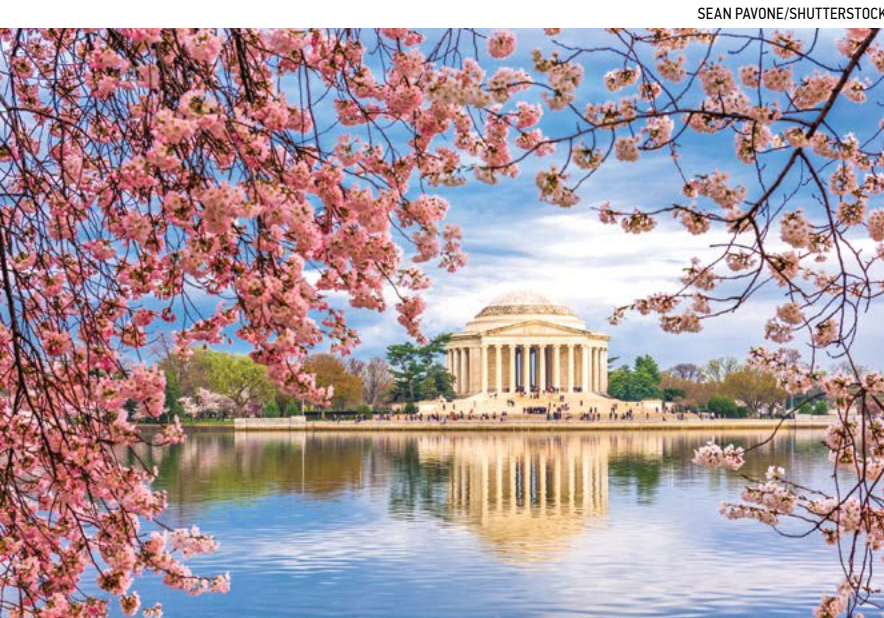
Vẻ đẹp vô thường

Từ những năm 1600 cho đến giữa những năm 1800, ngắm hoa anh đào là một sự kiện phổ biến của người dân Nhật Bản. Hoa và lễ hội hoa anh đào là chủ đề quen thuộc trong nghệ thuật và văn học, vì loài hoa quý hiếm này đã trở thành biểu tượng quốc gia đối với người dân Nhật Bản. Họa sĩ Utagawa Hiroshige đã vẽ hoa anh đào trong loạt tranh phong cảnh khó đọc nổi tiếng “Một trăm danh thắng của Edo” (One Hundred Famous Views of Edo). Hiroshige là một nghệ sĩ ukiyo-e* Nhật Bản và được coi là một trong những bậc thầy cuối cùng của tranh truyền thống.

Hoa anh đào huyền thoại đã đi vào những bài thơ nổi tiếng thời đó, bắt đầu từ thời Heian. “Waka” là một trong những thể thơ Nhật Bản được yêu chuộng và là nền tảng cho sự ra đời của thơ Haiku. Hoa anh đào thường xuất hiện trong “Kokin Wakashu”, một trong những tuyển tập thơ Waka sớm nhất do Hoàng đế Uda biên soạn.

Hơn cả đẹp, hoa anh đào tượng trưng cho sự vô thường. Dù được yêu mến khắp nơi nhưng hoa lại rất nhanh tàn. Hoa anh đào mỗi năm nở một lần chỉ trong một tuần, nhiều nhất là hai tuần. Chúng đẹp một phần cũng vì sự phù du. Học giả người Nhật Bản chứa đầy cảm giác chấp nhận, thậm chí là tán dương, về sự vô thường và tin rằng... vô thường là một yếu tố cần thiết trong cái đẹp”.

Trên thực tế, phần lớn văn học Nhật Bản chứa đầy cảm giác chấp nhận, thậm chí là tán dương, về sự vô thường. “Mono no aware”, có nghĩa là “đồng cảm với vạn vật”, là một thuật ngữ tiếng Nhật dùng để chỉ nhận thức về sự vô thường, hoặc sự tạm thời thoáng qua của vạn vật. Nó bắt nguồn từ “Chuyện kể Genji”, một tác phẩm kinh điển của văn học Nhật Bản



Người dân có thể tham dự văn hóa Hanami ở Hoa Kỳ. Hàng năm từ cuối tháng ba đến đầu tháng tư, Hoa Thịnh Đốn tổ chức lễ hội hoa anh đào quốc gia.



Utagawa Hiroshige đã vẽ hoa anh đào trong loạt tranh phong cảnh khó đọc nổi tiếng “Một trăm danh thắng của Edo”. Đây là bản in “Đền Sujin và Massaki trên sông Sumida.”



*Ngắm hoa chốn hậu cung Chiyoda,” Toyohara Chikanobu, 1894. Bức tranh này mô tả một Hanami, truyền thống ngắm hoa anh đào đáng trân trọng của người Nhật.

từ thời Heian, thường được xem là cuốn tiểu thuyết đầu tiên trên thế giới. Hoa anh đào đã trở thành hiện thân của thành ngữ này, đại diện cho hi vọng ái ó trong cuộc đời ngắn ngủi.

Thông thường hoa có liên quan đến sự dịu dàng nữ tính, nhưng hoa anh đào cũng có mặt mạnh mẽ nam tính. Chúng là biểu tượng cho sự dũng cảm của các Samurai, những người đàn ông can đảm đối mặt với cái chết. Như một câu tục ngữ cổ của Nhật Bản đã viết: “Hoa đẹp nhất là hoa anh đào; người đàn ông tuyệt nhất là những chiến binh.” Cũng như hoa anh đào rụng cánh trong thời kỳ rực rỡ nhất, các Samurai là những người không chút do dự hy sinh mạng sống của họ vì lợi ích quốc gia.

Mặc dù hoa anh đào chỉ nở thoáng qua trong một thời gian ngắn, nhưng tác động đối với Nhật Bản lại rất sâu sắc. Hoa đã gieo mầm vào trái tim con người, đi vào cuộc sống hàng ngày. Từ món ăn nhẹ và thức uống có hương vị hoa anh đào, hoa văn trang trí, đến những bộ quần áo lấy cảm hứng từ hoa anh đào, loài hoa này đem đến cho mọi người cảm giác thoải mái và vui vẻ. Sau một ngày dài, chỉ cần nhìn thoáng qua vẻ đẹp của nó cũng đủ để người ta nâng cao tinh thần.

Một vẻ đẹp phổ biến

Có rất nhiều loại hoa anh đào, mỗi loại có một vẻ đẹp riêng. Somei Yoshino là loại phổ biến nhất, Yamazakura hoang dã, và Shidarezakura hồng tươi còn gọi là hoa anh đào khóc. Hoa anh đào có nguồn gốc từ Trung Quốc, đất nước vẫn còn tồn tại nhiều chủng loại hoa anh đào nhất. Người Nhật đã trồng loài hoa này kể từ khi phát hiện ra chúng cách đây hàng nghìn năm, và họ đã lan tỏa vẻ đẹp của chúng ra khắp toàn cầu.

Lễ hội ngắm hoa anh đào được du nhập vào Hoa Kỳ lần đầu tiên vào năm 1912, khi Thị trưởng Yukio Ozaki của Tokyo tặng 100 cây hoa anh đào cho đặc khu Hoa Thịnh Đốn. Theo thời gian, văn hóa Hanami đã lan rộng khắp Hoa Kỳ. Giờ đây, hàng năm từ cuối tháng ba đến đầu tháng tư, thủ đô Hoa Thịnh Đốn đều tổ chức lễ hội hoa anh đào. New York, Los Angeles, và Vancouver cũng tổ chức những lễ hội của riêng họ, cũng như các thành phố khác trên khắp Bắc Hoa Kỳ.

Trong thời đại mà con người ngày càng xa cách, hoa anh đào có sức mạnh gắn kết mọi người lại với nhau. Nhà thơ Nhật Bản Kobayashi Issa từng nói: “Dưới hoa anh đào, không có người xa lạ.” Bất kể sự khác biệt của họ lớn đến mức nào, mọi người đều có thể đến với nhau để cùng ngưỡng mộ vẻ đẹp của hoa anh đào.

Chú thích: “Ukiyo-e là một trường phái hội họa phát triển mạnh mẽ từ thế kỷ XVII tới thế kỷ XIX tại Nhật Bản. Các nghệ sĩ của thể loại này sản xuất các bản in và tranh in mộc bản của các đối tượng như những thiếu nữ đẹp; diễn viên kabuki và đồ vật sumo; các cảnh trích từ những câu chuyện lịch sử và dân gian; phong cảnh khắp nơi... Thuật ngữ ukiyo-e dịch ra có nghĩa là “những bức tranh của thế giới hư ảo.” (Wikipedia)

Phương Du biên dịch



*Món đồ Pythagore chào đón Mặt Trời mọc”, 1869, Fyodor Bronnikov. Phòng trưng bày Tretyakov, Moscow, Nga.

Sự kết nối với điều mỹ hảo: “Môn đồ Pythagore chào đón Mặt Trời mọc”

ERIC BESS

Trong thời gian sống ở New York, có nhiều đêm tôi leo lên mái nhà để nhìn ngắm bầu trời. Ánh sáng đô thị cùng các tòa nhà cao tầng đã che khuất bầu trời đêm, làm mờ đi ánh sáng rực rỡ của các vì sao.

Giữa nhịp sống hối hả và ồn ào chốn đô thị, chúng ta thường có cảm giác mất kết nối với những điều thật sự sâu sắc và quan trọng. Giống như việc chúng ta có lỡ đi sự rộng lớn và bí ẩn của vũ trụ.

Tất nhiên, không phải ai cũng như vậy. Những người xưa, chẳng hạn như nhà tư tưởng học Hy Lạp Pythagore, rất coi trọng mối liên hệ giữa con người với vũ trụ.

Trường phái triết học Pythagore

Đa số chúng ta biết đến Pythagore với định lý Pythagore trong những năm cấp sách đến trường. Rất nhiều nhận thức về cuộc sống và các nguyên tắc của Pythagore đã giúp hình thành nên trường phái Pythagore.

Nhưng Pythagore là ai, và tại sao ông lại có sức ảnh hưởng như vậy?

Chúng ta biết rằng Pythagore sống cách đây khoảng 2,600 năm. Người Hy Lạp này không viết gì về chính ông, và những gì chúng ta biết về ông là qua các nguồn được viết sau khi ông qua đời hơn 100 năm. Vậy nên có rất ít thông tin chính xác.

Tuy nhiên, chúng ta biết rằng Pythagore nổi tiếng vì những hiểu biết của ông về linh hồn bất diệt, cuộc sống sau cái chết, các nghi lễ tôn giáo, những khả năng siêu thường, và tính kỷ luật nghiêm khắc của bản thân. Thần Apollo đã có kết nối với ông.

Đối với môn đồ Pythagore, các chuẩn mực đạo đức và mối liên quan giữa số học tạo nên cấu trúc và trình tự sắp xếp của vũ trụ.

Các hành tinh chuyển động nhịp nhàng tạo ra âm thanh theo các tỷ số toán học. Những âm thanh hài hòa này là âm nhạc của Thiên thượng, sự hài hòa của âm nhạc giúp tẩy tịnh tâm hồn và hợp nhất với các tầng trời.

Các môn đồ cũng nhìn nhận các hành tinh là công cụ thần thánh của công lý; Mặt Trời và Mặt Trăng được

xem là nơi cư ngụ của những linh hồn được ban phước sau khi qua đời. Do đó, có thể nói Pythagore tin rằng vũ trụ có thường phạt công minh, tương ứng với việc một người có thể sống hài hòa với các nguyên lý đạo đức của vũ trụ và hiểu được cách nó vận hành theo toán học.

“Môn đồ Pythagore chào đón Mặt Trời mọc”

“Món đồ Pythagore chào đón Mặt Trời mọc” (Pythagoreans Celebrate the Sunrise) là bức tranh của họa sĩ người Nga Fyodor Bronnikov (1827-1902). Như tiêu đề cho thấy, bức họa mô tả một nhóm các môn đồ Pythagore đang làm lễ chào đón Mặt Trời mọc lúc bình minh.

Trong tranh, các môn đồ Pythagore mặc áo choàng cổ điển, có sắc màu tươi sáng. Sáu người trong số họ đang chơi các nhạc cụ, và bốn người đang quý gối tỏ lòng tôn kính khi Mặt Trời lên. Người đàn ông là tâm điểm của bức tranh đang nhạc hay không, nhưng “âm nhạc” là một thuật ngữ chung cho nghệ thuật ở Hy Lạp cổ đại. Theo Monroe Beardsley, tác giả cuốn “Mỹ thuật: Từ Hy Lạp Cổ Điển đến Hiện Tại” (Aesthetics: From Classical Greece to the Present), “‘Âm Nhạc’ (mousike)... có thể có nghĩa là âm nhạc, hoặc mỹ thuật nói chung, hoặc thậm chí là văn hóa nói chung.”

Vậy thì phải chăng các loại hình nghệ thuật giúp tẩy tịnh con người và tôn vinh Thiên thượng sẽ giống như Mặt Trời vì chứa đựng tất cả những gì tốt đẹp liên quan đến trái tim và trí tuệ con người, và cho đi ánh sáng, sự ấm áp, sinh trưởng trên Trái Đất mà không mong chờ sự báo đáp?

Nghệ thuật ngày nay sẽ như thế nào nếu chúng thể hiện được những giá trị hường thượng? Nên văn minh sẽ như thế nào nếu chúng ta làm sống lại sự quan tâm của con người đến những điều tốt đẹp và huyền bí của một vũ trụ rộng lớn hơn có liên hệ với chính chúng ta?

Eric Bess là nghệ sĩ theo trường phái nghệ thuật đại diện (representational art), ông hiện là nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Nghệ thuật Thị giác (IDSVA).

Phương Du biên dịch

Những người xưa, chẳng hạn như nhà tư tưởng học Hy Lạp Pythagore, rất coi trọng mối liên hệ giữa con người với vũ trụ.

Hậu cảnh phía bên phải là hai người phụ nữ và hai trẻ nhỏ đang xem buổi lễ. Xa xa phía sau là một ngôi đền, có lẽ là Đền thờ Apollo ở Delphi. Apollo là vị thần của âm nhạc, sự hài hòa, và ánh sáng.

Các nhân vật chính tập trung trên móm đá cao nhìn ra Delphi. Mặt Trời không hiển lộ, nhưng ánh sáng của Mặt Trời chiếu từ bên trái bóng rọi. Mặt Trăng ở trên cùng bên phải của bức tranh.

Kết nối với những bí ẩn tâm linh của vũ trụ

Nghệ thuật ngày nay sẽ như thế nào nếu chúng thể hiện được những giá trị hường thượng? Nên văn minh sẽ như thế nào nếu chúng ta làm sống lại sự quan tâm của con người đến những điều tốt đẹp và huyền bí của một vũ trụ rộng lớn hơn có liên hệ với chính chúng ta?

đường dành cho những người tốt. Vì vậy, Mặt Trời lưu giữ tất cả những gì tốt đẹp liên quan đến trái tim và trí tuệ của con người. Mặt Trời cũng đem đến ánh sáng, sự ấm áp, và sự sinh trưởng trên Trái Đất bằng cách cho đi và không cần báo đáp.

Có phải Mặt Trời đại diện cho sự tốt lành, sự tốt lành được ban tặng từ trái tim và trí tuệ mà không cần đền đáp? Có phải nhân vật đang chào Mặt Trời thể hiện lòng hiếu khách và tri ân đối với sự tốt lành ấy? Có phải chính sự tốt lành này đã kết nối chúng ta với những bí ẩn vĩ đại hơn của vũ trụ?

Thứ hai, tôi hiểu được ý nghĩa về những người chơi nhạc. Các môn đồ Pythagore tin rằng khi âm nhạc hòa hợp với âm thanh của Thiên thượng thì có thể thanh lọc tâm hồn chúng ta. Giống như nhân vật chào đón Mặt Trời, các nhạc sĩ cũng ở giữa đất trời.

Mặc dù không rõ những môn đồ Pythagore đầu tiên có nói về nghệ thuật nào khác ngoài âm nhạc hay không, nhưng “âm nhạc” là một thuật ngữ chung cho nghệ thuật ở Hy Lạp cổ đại. Theo Monroe Beardsley, tác giả cuốn “Mỹ thuật: Từ Hy Lạp Cổ Điển đến Hiện Tại” (Aesthetics: From Classical Greece to the Present), “‘Âm Nhạc’ (mousike)... có thể có nghĩa là âm nhạc, hoặc mỹ thuật nói chung, hoặc thậm chí là văn hóa nói chung.”

Vậy thì phải chăng các loại hình nghệ thuật giúp tẩy tịnh con người và tôn vinh Thiên thượng sẽ giống như Mặt Trời vì chứa đựng tất cả những gì tốt đẹp liên quan đến trái tim và trí tuệ con người, và cho đi ánh sáng, sự ấm áp, sinh trưởng trên Trái Đất mà không mong chờ sự báo đáp?

Nghệ thuật ngày nay sẽ như thế nào nếu chúng thể hiện được những giá trị hường thượng? Nên văn minh sẽ như thế nào nếu chúng ta làm sống lại sự quan tâm của con người đến những điều tốt đẹp và huyền bí của một vũ trụ rộng lớn hơn có liên hệ với chính chúng ta?

Eric Bess là nghệ sĩ theo trường phái nghệ thuật đại diện (representational art), ông hiện là nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Nghệ thuật Thị giác (IDSVA).

Phương Du biên dịch



"Hercules giữa Đức hạnh và Suy đồi" (Hercules Between Vice and Virtue), nửa sau thế kỷ 17, của Gérard de Laireesse; sơn dầu trên vải, 44 inch x 71.2 inch. Bảo tàng Louvre, Paris.

Sự lựa chọn của Hercules: Đức hạnh hay Suy đồi?

ERIC BESS

Mỗi sáng thức dậy tôi đều xem mỗi ngày là một cuộc đời, tạm gọi là một phiên bản thu nhỏ của cuộc đời. Nếu được sinh ra vào buổi ban mai, ta sẽ sống như thế nào trong ngày hôm đó; ta sẽ lựa chọn điều gì để khi màn đêm buông xuống có thể chìm vào giấc ngủ một cách an lành mà không ân hận trong tâm?

Gần đây, tôi tình cờ thưởng thức một bức tranh của Gérard de Laireesse có tựa đề "Hercules giữa Đức hạnh và Suy đồi" (Hercules Between Vice and Virtue); bức tranh đã ghi lại khoảnh khắc quan trọng trong một ngày của cuộc đời Hercules. Tôi cũng nhận ra rằng chúng ta cũng phải đối mặt với những khoảnh khắc như thế trong cuộc sống thường nhật của mình.

Huyền thoại về sự lựa chọn của Hercules

Socrates đã dùng câu chuyện "Sự lựa chọn của Hercules" để dạy các học trò của mình. Dưới đây là bản tóm tắt dịch từ phiên bản của tác giả Joseph Spence ở thế kỷ 18.

Hercules trẻ tuổi suy ngẫm anh sẽ lựa chọn theo đuổi con đường nào: con đường của Đức hạnh (Virtue) hay Suy đồi (Vice).

Trong khi Hercules suy nghĩ thì hai người phụ nữ to lớn tiến đến gần anh. Người phụ nữ đầu tiên ăn mặc giản dị, đáng hoàng và khiêm tốn. Cô tiến đến Hercules một cách tự nhiên như bản tính của mình: chân thành và tôn nghiêm.

Người phụ nữ thứ hai mềm mại và tròn trịa hơn. Cô đã trang điểm cho làn da trắng hơn và phục sức khéo léo để phô bày nhan sắc của mình. Cô hy vọng sẽ cuốn hút sự tập trung của mọi người.

Người phụ nữ thứ hai nhanh chóng đến gần Hercules. Cô thuyết phục Hercules đi theo con đường của cô. Cô hứa hẹn sẽ làm cho cuộc sống của anh "đề dăng nhất, dễ chịu nhất" và rằng "anh sẽ hưởng thụ tất cả khoái lạc cuộc sống; vứt bỏ mọi lo âu và phiền muộn."

Hercules hỏi tên cô là gì khi cô ngừng lời. Cô trả lời, "Tên tôi ư ... bạn bè gọi tôi là Hạnh phúc, nhưng kẻ thù gọi tôi Suy đồi."

Lúc này, người phụ nữ đầu tiên, Đức hạnh (Virtue), tiến đến gần Hercules. Cô cũng mong Hercules chọn đi theo con đường của cô. Cô

nói: "Tôi sẽ không lừa dối anh bằng những lời hoa mỹ như Vice đã làm; tôi sẽ đặt mọi thứ trước mặt anh theo bản chất vốn có của chúng và theo luật lệ bất biến của các vị Thần. Những điều tốt đẹp mà Thiên thượng đã ban cho người phàm trần, không có bất kỳ điều gì có thể đạt được mà không cần lao động và công sức."

Tuy nhiên, Vice ngắt lời Virtue và nói với Hercules rằng cô có thể chỉ cho anh đường tắt để đến hạnh phúc.

Đáp lại, Virtue nghiêm nghị nói với Vice rằng: "Có đến từ Thiên thượng; nhưng không phải cô đã bị loại khỏi thế giới các vị Thần rồi sao? Và kể từ đó, không phải là cô đã bị tước bỏ những người đàn ông đáng kính, ngay cả trên Trái Đất hay sao? ... Ngược lại, tôi có thể đối thoại với các vị Thần, với những người đáng kính. Thành quả tốt đẹp của mọi việc không phải đều có bóng dáng của tôi hay sao? Tôi luôn nhận được sự tôn trọng của các vị Thần và của người đời."

Virtue nói rằng những người chọn con đường của cô "hài lòng về quá khứ; trân trọng hiện tại. Theo cách của tôi, họ được các vị Thần bảo hộ; bạn bè yêu thương; và tổ quốc ca tụng. Khi họ ra đi, họ không bị lãng quên trong sự xấu hổ, mà được ngợi ca qua các thế hệ."

Không có gì bí mật khi Hercules đã chọn con đường của Virtue và truyền cảm hứng cho nhiều nghệ sĩ như de Laireesse là một ví dụ.

Tác phẩm "Hercules giữa Đức hạnh và Suy đồi" của de Laireesse De Laireesse là một họa sĩ thế kỷ 17, thời kỳ hoàng kim của hội họa Hà Lan. Ban đầu, ông bị ảnh hưởng rất nhiều bởi họa sĩ Rembrandt, người đã vẽ chân dung của ông. Sau đó, trước khi bị mù, de Laireesse bị ảnh hưởng bởi tác phẩm của các nghệ sĩ tân cổ điển Pháp như Nicolas Poussin.

De Laireesse dùng nhiều yếu tố tân cổ điển hơn trong bức tranh "Hercules giữa Đức hạnh và Suy đồi". Ví dụ, ông tập trung nhiều vào hình thức hơn là màu sắc, giữ cho màu sắc dịu hơn. Bức tranh ngu ngôn này sử dụng các chủ đề và trang phục cổ điển để mô tả câu chuyện của Hercules.

De Laireesse đã mô tả năm nhân vật thay vì ba: một đàn ông và bốn phụ nữ. Người đàn ông duy

nhất trong bức tranh tất nhiên là Hercules. Bên trái Hercules là Virtue. Cô nhìn Hercules; bàn tay cô chỉ hướng lên trên, phong thái rất khiêm nhường và giản dị.

Phía sau Virtue là một người phụ nữ khác, cô hướng mắt về Hercules. Đầu cô hơi ngẩng lên trên, cô cũng toát lên vẻ trang nghiêm. Cô cầm trong tay phải một ngọn đuốc có ánh sáng mờ.

Bên phải Hercules là Vice. Cô ăn mặc phóng túng và cố gắng quyến rũ Hercules bằng những cái vuốt ve. Cô nhìn Hercules với dáng vẻ ngưỡng mộ. Sau vai cô là một người phụ nữ lớn tuổi khác đang đặt ngón tay trên miệng như thể đang giữ bí mật. Người phụ nữ lớn tuổi nhìn thẳng vào chúng ta.

Hercules là tâm điểm của bức tranh, chàng cũng nhìn thẳng vào chúng ta. Hai nhân vật bên trái nhìn Hercules trong khi hai nhân vật bên phải nghiêng về phía anh càng thể hiện rõ Hercules là tâm điểm.

Chúng ta có thể giải mã Hercules đã chọn con đường nào không? Hai người phụ nữ kia là ai? Tại sao Hercules và người phụ nữ lớn tuổi lại nhìn chúng ta? Tại sao Hercules lại là tâm điểm?

Hercules có điểm chung với chúng ta: Anh ấy phải đưa ra những quyết định khó khăn. Anh ấy nhìn chúng ta như để chia sẻ khoảnh khắc rất chung này, khoảnh khắc chúng ta thực hiện quyết tự do lựa chọn con đường của cuộc đời mình.

Ở một khía cạnh nào đó, anh cũng đang thách thức chúng ta. Anh đang chỉ cho chúng ta con đường anh ấy đã chọn - con đường khó khăn - và ánh mắt của anh dường như muốn hỏi: "Bạn có dám chọn con đường ít người dân thần, con đường khó khăn, con đường khổ khăn, con đường khổ khăn?" Vì vậy, Hercules không chỉ chia sẻ khoảnh khắc với chúng ta mà còn cảnh báo sâu sắc hậu quả của hành động của chính chúng ta.

Mọi chúng ta đều có quyền lựa chọn những gì sẽ làm trong ngày, trong cuộc sống của mình. Chúng ta có quyền lựa chọn con đường Đức hạnh hay Dục vọng. Đôi khi chúng ta có bước đi sai lầm, nhưng hy vọng câu chuyện về Hercules và bức tranh của de Laireesse sẽ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ từ bỏ con đường của Đức hạnh.

Một chúng ta đều có quyền lựa chọn những gì sẽ làm trong ngày, trong cuộc sống của mình. Chúng ta có quyền lựa chọn con đường Đức hạnh hay Dục vọng. Đôi khi chúng ta có bước đi sai lầm, nhưng hy vọng câu chuyện về Hercules và bức tranh của de Laireesse sẽ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ từ bỏ con đường của Đức hạnh.

Ông Eric Bess là nghệ sĩ trường phái nghệ thuật đại diện (representational art), hiện là nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Nghệ thuật Thị giác (IDSVA).

Hoa Hạ biên dịch

lộ khía cạnh này của Vice. Virtue đã gọi Vice là kẻ dối trá, cô nói: "Những người đi theo cô bị cướp đi sinh lực lúc còn trẻ; mắt đi trí tuệ khi về già. Những người trẻ tuổi được nuôi dưỡng trong sự lười biếng và hào nhoáng, để rồi họ bước sang tuổi xế chiều với khó khăn và đau khổ."

Cô gái trẻ sau lưng Virtue, hiện thân chân thực của cô, ánh lên niềm tự hào và sự bình an. Thành quả đi theo con đường Đức hạnh của Virtue là đáng tự hào. Bất kể những khó khăn và tâm tối có che phủ cuộc sống của chúng ta, Virtue vẫn ở đó để soi đường cho chúng ta, cho dù ánh sáng mờ hay tối. Đây có lẽ là lý do vì sao người phụ nữ trẻ cầm ngọn đuốc trong tay?

Ở đây, chúng ta cũng thấy một sự tương phản lớn giữa Virtue và Vice: Một người soi sáng con đường cho chúng ta, và người kia lại bí mật che giấu sự thật.

Nhưng tại sao Hercules lại là tâm điểm?

Hercules có điểm chung với chúng ta: Anh ấy phải đưa ra những quyết định khó khăn. Anh ấy nhìn chúng ta như để chia sẻ khoảnh khắc rất chung này, khoảnh khắc chúng ta thực hiện quyết tự do lựa chọn con đường của cuộc đời mình.

Ở một khía cạnh nào đó, anh cũng đang thách thức chúng ta. Anh đang chỉ cho chúng ta con đường anh ấy đã chọn - con đường khó khăn - và ánh mắt của anh dường như muốn hỏi: "Bạn có dám chọn con đường ít người dân thần, con đường khó khăn, con đường khổ khăn, con đường khổ khăn?" Vì vậy, Hercules không chỉ chia sẻ khoảnh khắc với chúng ta mà còn cảnh báo sâu sắc hậu quả của hành động của chính chúng ta.

Mọi chúng ta đều có quyền lựa chọn những gì sẽ làm trong ngày, trong cuộc sống của mình. Chúng ta có quyền lựa chọn con đường Đức hạnh hay Dục vọng. Đôi khi chúng ta có bước đi sai lầm, nhưng hy vọng câu chuyện về Hercules và bức tranh của de Laireesse sẽ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ từ bỏ con đường của Đức hạnh.

Một chúng ta đều có quyền lựa chọn những gì sẽ làm trong ngày, trong cuộc sống của mình. Chúng ta có quyền lựa chọn con đường Đức hạnh hay Dục vọng. Đôi khi chúng ta có bước đi sai lầm, nhưng hy vọng câu chuyện về Hercules và bức tranh của de Laireesse sẽ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ từ bỏ con đường của Đức hạnh.

Ông Eric Bess là nghệ sĩ trường phái nghệ thuật đại diện (representational art), hiện là nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Nghệ thuật Thị giác (IDSVA).

Hoa Hạ biên dịch

Vẻ đẹp vĩnh cửu của Chân lý và Tình yêu trong bức họa ‘Nữ thần Aurora từ biệt Tithonus’

ERIC BESS

Nữ thần Aurora là hiện thân của bình minh trong thần thoại Hy Lạp-La Mã. Nàng là con của các vị thần Titan vĩ đại - 12 vị thần nguyên thủy sinh ra trời và đất. Nàng là em gái của Thần Mặt Trời và Thần Mặt Trăng, là mẹ của Thần Gió và các vì sao.

Theo "Homeric Hymn to Aphrodite" (Thánh ca Homeric về Aphrodite - Nữ Thần Tình Yêu và Sắc Đẹp), Aurora, còn được gọi là Eos, đã yêu người phàm trần Tithonus. Nàng say đắm vẻ đẹp tuấn tú của Tithonus. Nàng đã dùng chiến xa để bắt cóc và giữ chàng cho riêng mình. Vì yêu chàng tha thiết, nàng đã cầu xin thần Zeus biến Tithonus trở thành bất tử, và thỉnh cầu của nàng đã được chấp nhận.

Tuy nhiên, năm tháng trôi qua, Tithonus bắt đầu già đi. Tóc chàng bắt đầu bạc, điều đó tạo ra khoảng cách giữa hai người. Nàng nhận ra rằng nàng chỉ thỉnh cầu thần Zeus cho chàng sự bất tử mà không cho chàng tuổi trẻ vĩnh cửu. Do vậy diện mạo của Tithonus dần bị thay đổi theo thời gian.

Khi Tithonus không ngừng già nua thì tình yêu của Aurora cũng theo đó mà lụi tàn. Tuy nhiên, nàng vẫn luôn chăm sóc chàng; vì vậy, nàng đã đưa chàng vào cung điện của mình để chàng được thoải mái.

Tuổi già bào mòn Tithonus cho đến khi chàng không thể cử động. Với lòng thương hại, Aurora đưa chàng vào căn phòng chiếu sáng của mình, và chàng không ngừng la hét. Một số ghi chép viết rằng nàng đã biến chàng thành chú vè sấu, cất tiếng ca như một tình khúc nhắc Aurora nhớ về Tithonus thuở xưa.

'Aurora từ biệt Tithonus'

Nghệ sĩ người Ý Francesco Solimena (1657-1747) đã vẽ khoảnh khắc Aurora từ biệt Tithonus khi chàng đã già nua.

Ở góc phản tư phía trên bên phải, Solimena đã lý tưởng hóa trạng tâm của bức tranh. Aurora ngồi trên một đám mây, biểu đạt nàng là Nữ thần. Các thiên thần phục vụ xung quanh Nữ thần, đội lên đầu nàng một vương miện bằng hoa trong khi thiên thần khác đang cung nàng đỡ một ngọn đuốc. Ánh sáng của ngọn đuốc chiếu sáng một mảng tối của bức hình.

Tithonus hiện diện ở góc phản tư bên trái phía dưới của bức tranh. Biểu hiện già nua của chàng đối lập với vẻ thanh xuân rực rỡ của Aurora. Chàng nằm trên giường với tâm chán chể phụ một phần cơ thể. Tay trái của Tithonus giờ cao để che đôi mắt khỏi ánh sáng từ ngọn đuốc của Aurora.

Vẻ đẹp vĩnh cửu của Chân lý và Tình yêu thần thánh

Đôi với tối, câu chuyện về Aurora và Tithonus không chỉ là một câu chuyện đơn giản về những đau khổ của tình yêu hay tuổi già. Bức tranh dựng lại câu chuyện Thần thoại Hy Lạp có thể gợi mở điều gì cho chúng ta ngày nay?

Thật thú vị khi Aurora là nữ thần của bình minh. Bình minh là gì? Bình minh là thời điểm khi đêm chuyển sang ngày, là lúc ánh sáng mặt trời chiếu rọi phần Trái Đất tối tăm.

Họa sĩ Solimena đã miêu tả Aurora đang ngồi trên một đám mây với một ngọn đuốc trên tay. Nền là màu xanh đen, và Aurora chuẩn bị cho nhiệm vụ chiếu sáng để xóa tan bóng tối.

Phải chăng đây là biểu tượng cho mối quan hệ của chúng ta với các vị Thần? Liệu sự hiểu biết sâu sắc của chúng ta về chân lý và tình yêu cao đẹp có thể phơi bày những góc tối của tâm hồn chúng ta mà chúng ta chưa hề biết?

Trong bức họa, Aurora đang được trao vương miện hoa. Một thiên thần nhỏ khác nâng một đóa hoa và Aurora



"Aurora từ biệt Tithonus", 1704, của Francesco Solimena. Tranh sơn dầu trên vải; 79,5 inch x 59,75 inch. Bảo tàng J. Paul Getty, California.

Liệu chúng ta có thể làm sống lại ước muốn chân thành đối với chân lý và tình yêu cao đẹp để chúng ta có thể sở hữu vẻ đẹp xứng đáng với điều thiêng liêng?

cảm mây bông trong tay trái; hoa là biểu tượng của sắc đẹp. Các thiên thần chăm sóc dung nhan của Aurora, cho thấy nàng là một Nữ thần; vì vậy nhan sắc của nàng mang vẻ đẹp thần thánh.

Trong truyện kể, Aurora say đắm vẻ đẹp của Tithonus, và tình yêu ấy đã lụi tàn theo theo thời gian khi hình dáng của chàng trở nên già nua xấu xí. Vậy tại sao Aurora đã được có được vẻ đẹp thoát tục nhưng nàng lại bị quyến rũ bởi vẻ đẹp của một người phàm trần?

Ngọn đuốc của nàng có thể cho chúng ta một manh mối. Vẻ đẹp, ít nhất là vẻ đẹp thị giác, chỉ có thể nhìn thấy khi được chiếu sáng. Tôi cho rằng khi được soi sáng bởi chân lý và tình yêu cao đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn của chúng ta sẽ tỏa sáng; sự chiếu sáng ấy sẽ xua tan những góc tối trong tâm hồn.

Vậy thì vẻ đẹp của Tithonus phải chăng là sự kết hợp giữa vẻ đẹp hình thể và vẻ đẹp tâm hồn, kết quả của việc theo đuổi chân lý và tình yêu thần thánh? Nếu đúng như vậy, có lẽ biểu hiện của tuổi già nơi chàng là do chàng mất đi niềm khao khát đối với điều thiêng liêng.

Danh họa Solimena mô tả Tithonus che chân khuynh mặt già nua của mình khỏi ánh sáng của Aurora. Chàng sử dụng bàn tay tạo nên một khoảng tối và ngăn chặn ánh sáng thần thánh.

Nếu ánh sáng của nữ thần Bình

minh tượng trưng cho chân lý và tình yêu thần thánh, thì bàn tay của Tithonus có phải là biểu tượng cho việc từ chối những điều thiêng liêng? Điều thú vị là bàn tay của Tithonus, tượng trưng cho một trong năm giác quan, phủ bóng tối lên bốn giác quan khác - mắt, tai, miệng và mũi - vốn là những thứ giúp chàng trải nghiệm thế giới.

Phải chăng Tithonus đang từ chối niềm tin vào chân lý và tình yêu thần thánh bằng cách để năm giác quan của mình chìm vào bóng tối? Có thể chàng già đi, trở nên không hấp dẫn với Aurora là vì chàng không còn theo đuổi điều đó nữa; thay vào đó, tâm hồn chàng ngày càng den tối bởi những dục vọng chôn phàm trần.

Liệu chúng ta có thể làm sống lại ước muốn chân thành đối với chân lý và tình yêu cao đẹp để chúng ta có thể sở hữu vẻ đẹp xứng đáng với điều thiêng liêng? Nhiều cuộc hành trình bắt đầu bằng một câu hỏi. Câu hỏi nào có thể giúp chúng ta khởi động hành trình hướng tới một tâm hồn được soi sáng, với vẻ đẹp vĩnh hằng của chân lý và tình yêu thần thánh?

Ông Eric Bess là nghệ sĩ theo trường phái nghệ thuật đại diện (representational art), hiện là nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu Nghệ thuật Thị giác (IDSVA).

Tân Dân biên dịch

Ân nghĩa vợ chồng

EPOCH TIMES



THEO NTD

Người xưa so sánh vợ chồng như đôi chim uyên ương, ở bên nhau trọn đời. Tục ngữ có câu: “Nhất nhật phu thê bách nhật ân, bách nhật phu thê tĩ hải thâm” (Một ngày vợ chồng trăm ngày ân nghĩa, trăm ngày vợ chồng sâu nặng hơn biển cả).

Giữa vợ chồng với nhau không chỉ có “nghĩa”, mà còn là một chữ “ân”. Từ ngàn năm nay, có được bao đôi vợ chồng được như câu “phu xướng phụ tùy”, đồng cam cộng khổ, mãi mãi không xa lìa.

Trong văn hóa truyền thống, vợ chồng không chỉ nên “tương kính như tân” (kính nhau như khách), mà còn phải biết ơn nhau; bởi vậy người xưa mới nói “ân ái phu thê” (ân nghĩa và tình nghĩa của vợ chồng).

Đối với một cô gái mà nói, không ai quan tâm và yêu thương mình bằng bố mẹ. Nhưng khi cô gái đến tuổi kết hôn, cô chọn người cô yêu và kết hôn với anh ta; đây chính là niềm tin tưởng lớn lao mà cô gái và cha mẹ cô dành cho chàng trai đó. Vì vậy, chàng trai nên biết nhớ ân tình đó, có trách nhiệm chăm sóc bảo vệ cô gái, làm hết sức mình để

Một ngày vợ chồng trăm ngày ân nghĩa, trăm ngày vợ chồng sâu nặng hơn biển cả

người vợ được hạnh phúc suốt đời, chính là đã đền đáp sự tin tưởng, gửi gắm của cô gái và gia đình họ.

Người xưa nói: “Nữ đại vô phu thân vô chủ, nam đại vô thê tài vô chủ”. Ý là: người con gái lớn rồi mà không có chồng thì như thân thể không có chủ nhân; người con trai lớn rồi mà không có vợ thì tiền tài không có ai nắm giữ. Chàng trai chọn người thương cho mình, sau khi kết hôn để vợ quản lý tài sản trong gia đình. Nếu người chồng làm quan, người vợ sẽ giúp chồng bảo quản con cháu; nên có câu nói rằng: “chường ân phu nhân” tức là người vợ tay cầm ấn.

Trong quá khứ, nếu một vị quan làm mất phong ấn, cả gia đình bị chặt đầu, tương đương với việc một người đàn ông trao sinh mạng của cả gia đình cho một người phụ nữ. Vì vậy, người vợ nên đối xử với cha mẹ chồng như cha mẹ ruột của mình, xem danh dự hay sự ô nhục của chồng là danh dự hay sự ô nhục của chính mình, toàn tâm toàn ý giúp chồng thành tựu để báo đáp ân nghĩa của chồng.

Con người được chia thành nam và nữ, nam tả nữ hữu. Bên trái chữ 人 “Nhân” là một nét cao lên bao trùm như đầu đội trời chân đạp đất vậy để che chở cho nét bên phải, mà nét bên phải là đạp đất nhưng không đội trời, đội trời phải là người chồng. Vì vậy chữ 夫 “Phu” chính là chữ 天 “Thiên” (trời) nhỏ đầu lên. Vậy nên sự thành công của người đàn ông phần nhiều là nhờ công lao trợ giúp của người vợ; nên mới có câu “phu xướng phụ tùy”.

Trong hôn nhân thiên duyên, nam nữ phải luôn luôn tinh táo, không vì tình yêu mà phóng túng dục vọng, không nên vì tình mà tự tư tự lợi, không vì tình mà mất ý chí, cần ôn hòa và thủ trung, tâm trong sáng ít dục vọng, nam cương nữ nhu, âm dương tương hợp, sinh con đẻ cái, thừa tự cơ nghiệp của tổ tiên, đi hết con đường mỹ mãn của kiếp nhân sinh.

Nếu hôn nhân không thuận buồm xuôi gió, nam nữ phải tự hướng vào nội tâm để suy xét, không tranh đấu mà làm tổn hại nhau, không được vì sắc mà phản bội, không bỏ rơi nhau vì của cải vật chất, không vì gặp tai ương mà quay lưng, biết nhân nhục mà gánh vác trách nhiệm, tránh nóng giận, và chịu đựng gian khổ để hoàn trả nghiệp, mới có thể được đề cao trong va chạm tâm tính.

Người xưa nói: “Thân, không ai thân bằng anh em; gán, không ai gán bằng vợ chồng.” Người xưa coi trọng ân nghĩa vợ chồng, vì vậy không nên bạc đãi với người vợ đã đồng cam cộng khổ với mình từ thuở hàn vi, và nên cùng nhau đầu bạc răng long, trăm năm hảo hợp.

Manh Hải biên dịch

EPOCH TIMES
TIẾNG VIỆT

www.etviet.com

CHÚNG TÔI ĐƯA NHỮNG TIN TỨC QUAN TRỌNG, TRUNG THỰC VÀ TRUYỀN THỐNG



ONLINE: www.etviet.com

BY PHONE/Call:

(626) 618-6168
(714) 356-8899

BY MAIL :

Fill out the form to the right and mail it to / Xin điền mẫu bên cạnh và gửi đến:

Epoch Times Tiếng Việt
10962 Main Street, Ste 101,
El Monte, CA 91731

Weekly print paper to your home / Một tờ báo sẽ được giao tận nhà mỗi tuần.

All subscriptions will continue until you request to cancel / Báo vẫn tiếp tục giao cho tới khi khách hàng yêu cầu ngưng.

EPOCH TIMES TIENG VIET

3 EASY WAYS TO SUBSCRIBE/Có thể đặt báo qua:

Yes, I'd like to subscribe for/Vâng, tôi muốn đặt báo:

Normal delivery/Gửi thường (khoảng 6-7 ngày sẽ nhận được báo)

6 months for \$59 12 months for \$104

Fast delivery/Gửi nhanh (khoảng 2-4 ngày sẽ nhận được báo)

3 months for \$45 6 months for \$89 12 months for \$175

NAME/Tên _____

PHONE/Số phone _____

ADDRESS/Địa chỉ _____

CITY/Thành phố _____

STATE/Tiểu bang _____ ZIP/Mã vùng _____

EMAIL _____

PAY BY CHECK/Trả bằng chi phiếu (Payable to /Trả cho: Epoch Times Tiếng Việt)

USE MY CREDIT CARD/Dùng thẻ tín dụng

VISA MasterCard Discover

Card number/Số thẻ: _____ Exp.date/Ngày hết hạn: _____

Signature/Chữ ký: _____ CVC # (REQUIRED) /Số CVC (bắt buộc): _____